

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-PT
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2017/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị K; có vợ Trần Thị M (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày 01-3-2016; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 24-5-2017, sau khi đã có uống rượu Nguyễn Văn L đi bộ từ phòng trọ của bà Ngô Thị V, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre về nhà. Trên đường đi ngang qua phần đất vườn của ông Phòng Văn X, sinh năm 1945; nơi cư trú: ấp Q, xã L, huyện C, L phát hiện 01 mô tơ màu xanh phía trên

được đây bằng 01 cái bao màu trắng của ông X được đặt trong vườn không có ai trong coi nên nảy sinh ý định lấy trộm đem về bán lấy tiền tiêu xài. L đi vào vườn, lội qua ruộng đi đến vị trí để mô tơ dùng tay tháo bao và ông dẫn nước phía dưới lấy mô tơ bỏ vào giỏ bẹ vác về nhà. Trên đường về thì bị ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962 phát hiện, nghi ngờ nên giữ L lại cùng tang vật và báo Công an xã L toàn bộ sự việc.

Vật chứng thu giữ: 01 mô tơ màu xanh có gắn 01 sợi dây điện màu đen dài 1,2m đã giao trả cho ông X và 01 giỏ bẹ màu vàng đỏ đang tạm giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 64/KL-ĐGTS ngày 12-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 mô tơ màu xanh 01 mã lực đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HS-ST ngày 20-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 5 Điều 60, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra; Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-12-2017, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Phòng Văn X đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp.

- Về nội dung: mặc dù bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, đang trong thời gian thử thách nhưng lại phạm tội trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, người bị hại trên 70 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “Phạm tội đối với người già” đối với bị cáo nên cấp phúc thẩm cũng không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn L 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 5 Điều 60; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 năm 06 tháng tù. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã lén lút lấy trộm một mô tơ màu xanh một mã lực của ông Phòng Văn X có giá trị là 300.000 đồng. Tuy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới mức định lượng nhưng về nhân thân bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, đang chấp hành án trong thời gian thử thách lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo L là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo*” của bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có bổ sung giấy ra viện và đơn thuốc của bà Phan Thị K và cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, nuôi con nhỏ đang đi học để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Song qua xem xét quá trình hoạt động của bị cáo cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản, đang chấp hành án trong thời gian thử thách nhưng không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều đó đã minh chứng rằng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục; bị cáo trộm cắp tài sản của người bị hại trên 70 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với người già*” đối với bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy

định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 06 tháng tù là thỏa đáng. Xét thấy các quyết định của Bản án sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 5 Điều 60, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 01-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b)
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Văn Thông